NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trương Chánh Đức

1. Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1. Khái niệm về Nhà nước

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, bao gồm một lớp người được tách ra từ xã hội để chuyên thực thi quyền lực, nhằm tổ chức, quản lý xã hội, liên kết mọi thành viên xã hội, phục vụ lợi ích chung của xã hội.

truongchanhduc@gmail.com

Một số đặc điểm của Nhà nước

Nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt

Nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ

Nhà nước có chủ quyền quốc gia

Nhà nước có quyền ban hành pháp luật và thực hiện quản lý bắt buộc đối với mọi công dân

Nhà nước có quyền quy định và thực hiện việc thu các loại thuế.

truongchanhduc@gmail.com

Một số học thuyết về nguồn gốc Nhà nước

Thuyết thần học:

Thượng đế là người sắp đặt trật tự xã hội

Nhà nước do Thượng đế sáng tạo ra, bảo vệ trật tự chung

Quyền lực nhà nước là thiết chế quyền lực của Thượng đế

Quyền lực của Thượng đế là vĩnh cửu

Một số học thuyết về nguồn gốc Nhà nước

Thuyết gia trưởng: Người sáng lập Platon, Aristote và Philmơ

Nhà nước là kết quả phát triển của gia đình, là hình thức tổ chức tự nhiên của con người

Người gia trưởng trở thành người đứng đầu nhà nước

Nhà nước có trong mọi xã hội

Quyền lực nhà nước về bản chất cũng giống như quyền gia trưởng của người đứng đầu

Một số học thuyết về nguồn gốc Nhà nước

Thuyết bạo lực: Người đại diện cho học thuyết E.Duyring, P.Jhering, L.Gumplovich

Bạo lực là cơ sở của sự thống trị, là nguyên nhân sinh ra nhà nước

Nhà nước xuất hiện trực tiếp từ việc sử dụng bạo lực của thị tộc này đối với thị tộc khác, kết quả là thị tộc chiến thắng lập ra hệ thống cơ quan đặc biệt – Nhà nước để nô dịch kẻ chiến bại

Học thuyết Mác – Lênin

Ph.Ăngghen đã khẳng định: "*Nhà nước tồn tại không phải là mãi mãi từ ngàn xưa. Đã từng có những xã hội không cần đến nhà nước, không có một khái niệm nào về nhà nước và chính quyền nhà nước cả. Đến một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định, giai đoạn tất nhiên phải gắn liền với sự phân chia xã hội thành giai cấp thì sự phân chia đó làm cho nhà nước trở thành một tất yếu*".

C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.257-258

V.I.Lênin đã làm rõ hơn về điều kiện ra đời, hình thành và phát triển của nhà nước, đó là: *"Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Bất cứ đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, thì nhà nước xuất hiện. Và ngược lại: sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được".*

V.I. Lênin: Toàn tập, t.33, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, tr.9

1.2. Sự ra đời và bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1. Sự ra đời Nhà nước XHCN Việt Nam

1.2.2. Bản chất của Nhà nước XHCN Việt Nam

truongchanhduc@gmail.com

1.2.1 Sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chiến thắng 30/4/1975 →

Kỳ họp thứ nhất, ngày 2/7/1976 đổi tên nước: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chiến thắng Điện Biên Phủ năm – Hiệp định Giơnevơ năm 1954

Cách mạng tháng 8/1945 thành công →

Ngày 02/9/1945, Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930)

truongchanhduc@gmail.com

Sự ra đời Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ đọc **Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và** ra mắt Chính phủ lâm thời. Chính phủ lâm thời gồm có 15 người và do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu (làm Chủ tịch).

Ngày 3-9-1945 tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã đề nghị tổng tuyển cử tuyên với chế độ phổ thông đầu phiếu.

Ngày 31-10-1945, Chính phủ đã công bố bản dự tháo Hiến pháp và lấy ý kiến đóng góp của toàn thể nhân dân.

Ngày 9-11-1946 tại kỳ họp Quốc hội khóa I bản Hiến pháp được thông qua.

Sự ra đời Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 27-10-1975, Uỷ banThường vụ Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa họp phiên họp đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước.

Ngày 15 đến 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Nam - Bắc đã diễn ra tại Sài Gòn.

Hà Nội nhất trí tổ chức Tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ vào nữa đầu năm 1976, theo đúng nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Sự ra đời Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Ngày 25-4-1976, Nhân dân cả nước đi bỏ phiếu, đạt tỷ lệ 98,77% tổng số cử tri, bầu ra 492 đại biểu của Quốc hội khóa IV.

Từ ngày 24-6-1976 đến ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội.

Quốc hội đã quyết định đặt tên nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ nền đỏ ở giữa có ngôi sao vàng; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô là Hà Nội.

1.2.2. Bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cơ sở kinh tế

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

Cơ sở xã hội

Nhân dân Việt Nam mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức

Tính giai cấp

Nhà nước mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hiện chuyên chính với các thế lực phản động, thù địch, có hành vi chống đối, đi ngược với lợi ích của nhân dân và của dân tộc.

V.I.Lênin đã viết: *"Nhà nước là bộ máy để giai cấp này áp bức giai cấp khác, một bộ máy để duy trì sự thống trị của một giai cấp tất cả giai cấp khác bị lệ thuộc khác"*

V.I. Lênin: Toàn tập, t.33, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, tr.87.

truongchanhduc@gmail.com

Tính xã hội

Bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân

Thực hiện quản lý xã hội, giải quyết các công việc mang tính xã hội, bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân

Bảo đảm trật tự an toàn xã hội, chăm lo phát triển kinh tế và tổ chức cung ứng các dịch vụ công

Giải quyết các vấn đề như xây dựng công trình giao thông; xóa đói giảm nghèo; giải quyết việc làm; chăm lo cho nhóm người dễ bị tổn thương…

"Ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị; và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó".

C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.20, Nxb Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 1994, tr.253.

truongchanhduc@gmail.com

Tính dân chủ

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân về mọi mặt, thông qua hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp với phương châm: *"dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

Khẳng định: *"vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong chiến lược phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*.

truongchanhduc@gmail.com

1.3. Khái niệm chức năng và các chức năng cơ bản của Nhà nước XHCN Việt Nam

1.3.1. Khái niệm chức năng của Nhà nước:

Chức năng nhà nước là những mặt hoạt động cơ bản của nhà nước, phù hợp với bản chất, mục đích, nhiệm vụ của nhà nước và được xác định bởi điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong những giai đoạn phát triển của nó.

truongchanhduc@gmail.com

1.3.2 Các chức năng cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chức năng đối nội

Chức năng đối ngoại

truongchanhduc@gmail.com

a. Các chức năng đối nội

Chức năng kinh tế

Tổ chức kinh tế: *"Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam có nhiu hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển…".*

Quản lý kinh tế:

Giữ vai trò chủ động trong quản lý và điều hành nền kinh tế quốc dân.

Không trực tiếp làm kinh tế.

Thực hiện quản lý kinh tế thống nhất nhưng chú trọng tới những vùng, địa phương có điều kiện tự nhiên, địa lý đặc biệt khó khan.

truongchanhduc@gmail.com

Các chức năng đối nội

Chức năng chính trị

Là nghiêm trị của Nhà nước đối với mọi phản kháng, xuyên tạc của bất cứ lực lượng chống đối.

truongchanhduc@gmail.com

Chức năng đối nội

Chức năng xã hội

Về văn hoá

Về giáo dục

Về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó thảm hoạ

Về y tế

Về vấn đề dân tộc, tôn giáo

Về khoa học công nghệ

truongchanhduc@gmail.com

Các chức năng đối nội

Chức năng bảo vệ trật tự pháp luật, quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

truongchanhduc@gmail.com

Chức năng đối ngoại

Quan hệ với các nước trong khu vực và quốc tế

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

truongchanhduc@gmail.com

1.4. Khái niệm về hình thức Nhà nước và hình thức NN XHCN Việt Nam

1.4.1. Khái niệm về hình thức Nhà nước

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Cách thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước thể hiện trên ba phương diện: hình thức chính thể, hình thức cấu trúc nhà nước và chế độ chính trị.

truongchanhduc@gmail.com

1.4.2. Các yếu tố cấu thành hình thức NN

Hình thức chính thể

Hình thức cấu trúc

Chế độ Chính trị

truongchanhduc@gmail.com

Hình thức chính thể

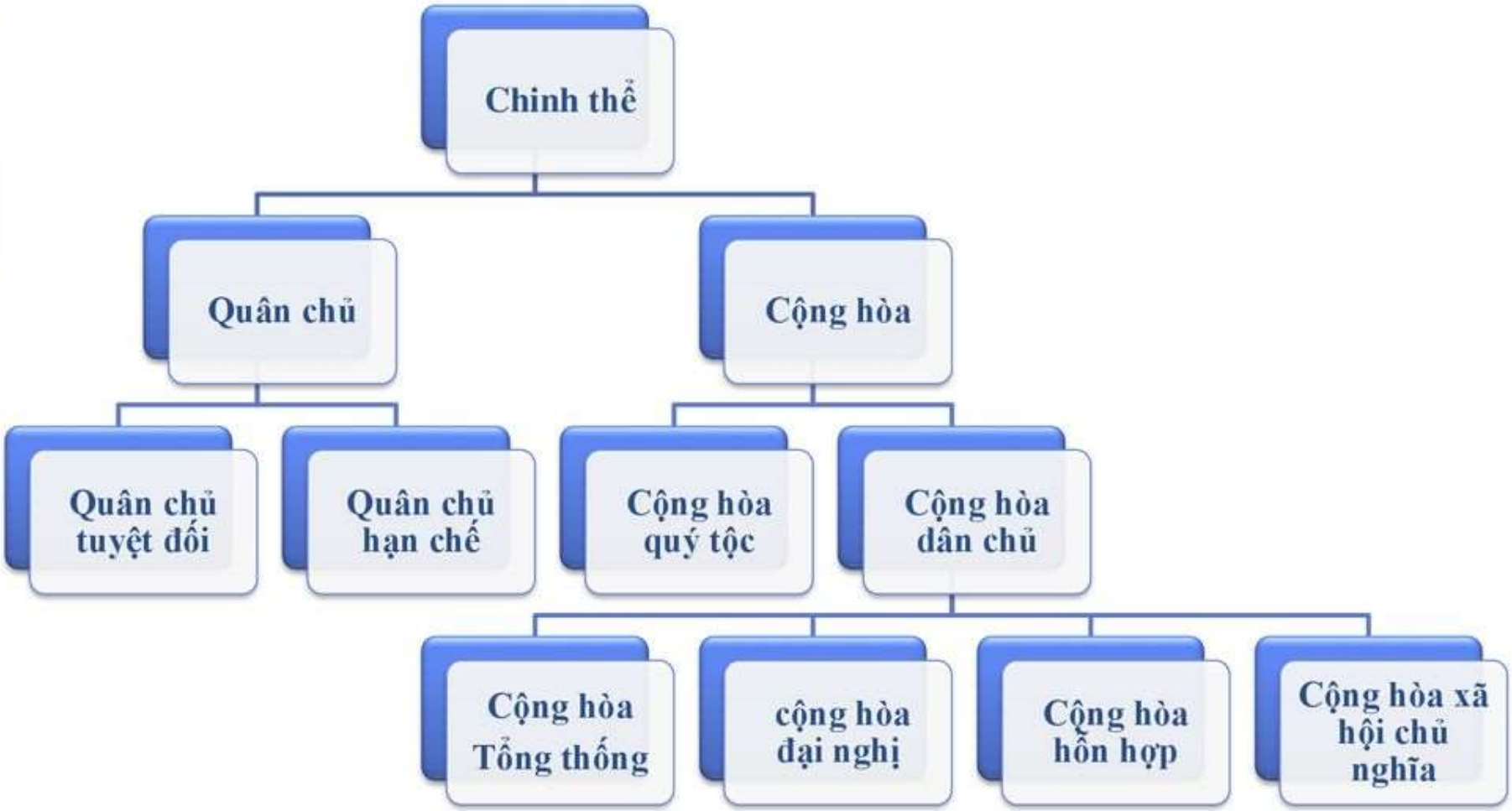

Hình thức chính thể Cộng hòa

Cộng hòa quý tộc

Quyền tham gia bầu cử để lập ra các cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước chỉ thuộc về tầng lớp quý tộc. Xuất hiện ở một số nhà nước: Spactar ở Hy lạp, chủ nô La Mã

Cộng hòa dân chủ

Quyền tham gia bầu cử để lập ra các cơ quan quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về tất cả các tầng lớp nhân dân, mang tính phổ thông. Được chia thành các chính thể: **Cộng hòa đại nghị; Cộng hòa tổng thống; Cộng hòa lưỡng tính**

2.2 Hình thức chính thể cộng hòa:

Cộng hòa Tổng thống

Nguyên thủ quốc gia – Tổng thống do dân trực tiếp bầu ra, có vị trí, vai trò rất quan trọng. Chính phủ không phải do Nghị viện lập ra

Cộng hòa Đại nghị

Nghị viện là một thiết chế quyền lực trung tâm. Tổng thống do Nghị viện bầu ra, chịu trách nhiệm trước nghị viện

Cộng hòa Lưỡng tính

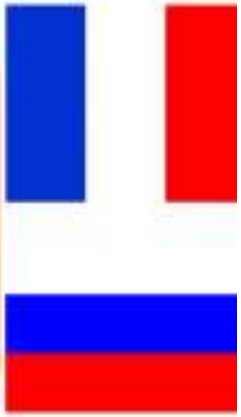

-Nghị viện do nhân dân bầu ra.

-Trung tâm bộ máy quyền lực là Tổng thống, do dân bầu ra, có quyền hạn rất lớn, kể cả giải tán Nghị viện, thành lập Chính phủ.

-Chính phủ do Thủ tướng đứng đầu, đặt dưới sự lãnh đạo của Tổng thống, chịu trách nhiệm trước Tổng thống và Nghị viện

Hình thức chính thể Cộng hòa Dân chủ

1.4.3. Hình thức NN XHCN Việt Nam

Hình thức chính thể: **Cộng hoà xã hội chủ nghĩa**

Hình thức cấu trúc: **Nhà nước đơn nhất**

Chế độ Chính trị: **Chế độ dân chủ**

truongchanhduc@gmail.com

1.5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.5.1. Nguyên tắc đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

truongchanhduc@gmail.com

Điều thứ 1 của Hiến pháp năm 1946 khẳng định một cách dứt khoát: *"Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là* ***<u>của toàn thể nhân dân Việt Nam</u>****, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo"*.

Điều 4 Hiến pháp năm 1959: *"Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đều* ***<u>thuộc về nhân dân</u>****."*

Điều 6 Hiến pháp năm 1980 tiếp tục khẳng định: *"Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân."*

Điều 2 Hiến pháp năm 1992: *"Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức."*

truongchanhduc@gmail.com

Điều 2 Hiến pháp 2013 quy định:

"1. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức".

Điều 6 Hiến pháp 2013 quy định: "*Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước".*

truongchanhduc@gmail.com

1.1.5.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ

Nguyên tắc này đã được ghi nhận tại Điều 4 Hiến pháp 1959, Điều 6 Hiến pháp 1980 và Điều 6 Hiến pháp 1992 *"...Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ"*.

Điều 8 Hiến pháp 2013 đã quy đinh: "*Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ…"*.

truongchanhduc@gmail.com

1.5.3. Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp

** Phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền lập pháp*

Khoản 2 Điều 96 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Chính phủ *"đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quyết định; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Uỷ ban Thường vụ Quốc hội".*

→ Chính phủ có tham gia vào quy trình lập hiến, lập pháp

** Phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền hành pháp*

Điều 90 Hiến pháp 2013: *"Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, phiên họp của Chính phủ; Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước".*

Quyền tham gia thành lập Chính phủ (Khoản 2 Điều 88); quyền thống lĩnh lực lượng vũ trang (Khoản 5 Điều 88).

→ *Chủ tịch nước tham gia thực hiện quyền hành pháp*

* *Phân công, phối hợp và kiểm soát thực hiện quyền tư pháp*

Điều 105 Hiến pháp 2013:

"1. Nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và nhiệm kỳ của Chánh án Tòa án khác do luật định.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước".

1.5.4. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Khoản 1 điều 8 Hiến pháp 2013: *"Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật…"*

1.5.5. Nguyên tắc hoạt động công khai, minh bạch, lắng nghe ý kiến của nhân dân

Tổ chức bộ máy, chủ trương, chính sách, pháp luật, kế hoạch

Khuyết điểm, yếu kém, thiếu sót của bộ máy nhà nước, của cán bộ, công chức nhà nước

truongchanhduc@gmail.com

1.5.6. Nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc

Điều 5 Hiến pháp năm 2013:

"Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để tất cả các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước".

truongchanhduc@gmail.com

Số lượng đại biểu Quốc hội người DTTS đã tăng theo các khóa: Khoá I (1946) chiếm 10,2%; khóa XIII chiếm 15,6%, cao hơn tỷ lệ dân số DTTS, khóa XII đạt cao nhất là 17,7%, khóa XIV có 86 đại biểu Quốc hội là người DTTS thuộc 32 dân tộc khác nhau (chiếm tỷ lệ 17,3%)".

Lần đầu tiên trong 15 nhiệm kỳ Quốc hội, tỷ lệ đại biểu Quốc hội trúng cử là người dân tộc thiểu số đạt ***17,84% (89/499 đại biểu)*** - cao nhất từ trước đến nay và đây cũng là lần đầu tiên Quốc hội nước ta có thêm đại diện của 2 dân tộc thiểu số rất ít người là Lự và Brâu.

truongchanhduc@gmail.com

- Chương trình hành động 122 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

- Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ về Giảm nghèo bền vững; Chương trình 135 (giai đoạn 2) về Phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Các chính sách và chương trình ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, giải quyết đất sản xuất và đất ở (Quyết định 132); hỗ trợ đất sản xuất, nhà ở và các nhu cầu thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào nghèo thuộc dân tộc thiểu số (Quyết định 134); ưu đãi thuế nông nghiệp và thuế lưu thông hàng hoá, hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp, trợ giá các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc như muối ăn, thuốc chữa bệnh, phân bón, giấy viết, chính sách phát triển rừng, bảo vệ môi trường sống miền núi (Chương trình 327); chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số…

1.5.7. Nguyên tắc hoạt động đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước

Điều 4 Hiến pháp 2013:

"1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

truongchanhduc@gmail.com

2. Pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1. Sự ra đời, bản chất của pháp luật XHCN Việt Nam

2.2. Vai trò của pháp luật XHCN Việt Nam

2.3. Hình thức pháp luật XHCN Việt Nam

truongchanhduc@gmail.com

2.1. Sự ra đời, bản chất của pháp luật XHCN Việt Nam

Pháp luật là hiện tượng gắn liền với nhà nước, được hình thành trong quá trình hình thành và phát triển của quyền lực nhà nước

Ph.Ănghen trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước* đã viết: *"Nắm được quyền lực công cộng và quyền thu thuế, bọn quan lại với tư cách là những cơ quan của xã hội, được đặt lên trên xã hội. Lòng tôn kính không ép buộc mà trước kia của người ta tự nguyện biểu thị với các cơ quan của xã hội thị tộc, là không đủ đối với bọn quan lại nữa, ngay cả trong trường hợp họ có thể giành được sự tôn kính đó; họ là những đại biểu cho một quyền lực đã trở nên xa lạ với xã hội, nên phải đảm bảo quyền này của họ bằng những đạo luật đặc biệt, những đạo luật khiến họ trở thành đặc biệt thần thánh và đặc biệt bất khả xâm phạm".*

- C.Mác và Ph.Ănghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 21, tr.254.

2.1.1. Sự ra đời của pháp luật XHCN Việt Nam

Nhà nước XHCN Việt Nam → **Pháp luật XHCN Việt Nam**

truongchanhduc@gmail.com

2.1.1. Sự ra đời của pháp luật XHCN Việt Nam

Pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng và mục đích của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

truongchanhduc@gmail.com

2.1.2. Bản chất của pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tính giai cấp

Tính xã hội

Tính dân chủ

truongchanhduc@gmail.com

2.1.3. Đặc điểm của pháp luật xã hội chủ nghĩa

Pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và cả dân tộc Việt Nam.

Thể chế hoá quan điểm đường lối cuả Đảng Cộng sản Việt Nam trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

Là pháp luật của thời kỳ đổi mới, luôn trong quá trình phát triển, hoàn thiện

Được xây dựng trên nền tảng đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Là một chỉnh thể thống nhất và đa dạng về hình thức thể hiện.

truongchanhduc@gmail.com

2.2. Vai trò của pháp luật XHCN Việt Nam

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với kinh tế

Cơ sở pháp lý để các chủ thể kinh tế tiến hành sản xuất kinh doanh

Là phương tiện để NN thực hiện chức năng quản lý đối với nền kinh tế

Là phương tiện bảo vệ lợi ích kinh tế chính đáng cho các chủ thể kinh tế

Là phương tiện để giải quyết những vấn đề xã hội nảy sinh

truongchanhduc@gmail.com

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với xã hội

Bảo vệ lợi ích chính đáng của con người, của công dân

Là phương tiện bảo đảm thực hiện quyền con người

Là phương tiện thực hiện các quyền dân chủ của công dân

Là công cụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội

truongchanhduc@gmail.com

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với chính trị

Là cơ sở pháp lý thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam

Là phương tiện để Đảng kiểm nghiệm quan điểm, đường lối của mình trong thực tiễn

Là phương tiện phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng bằng đường lối chính trị, công tác cán bộ với chức năng tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động xã hội của NN bằng pháp luật và theo pháp luật

truongchanhduc@gmail.com

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với Nhà nước

Là công cụ để NN quản lý xã hội

Là phương tiện để NN tự hoàn thiện chính bản thân NN

Là phương tiện ghi nhận trách nhiệm của NN đối với toàn xã hội và nhân dân

truongchanhduc@gmail.com

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với các tổ chức chính trị - xã hội

Là phương tiện quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội

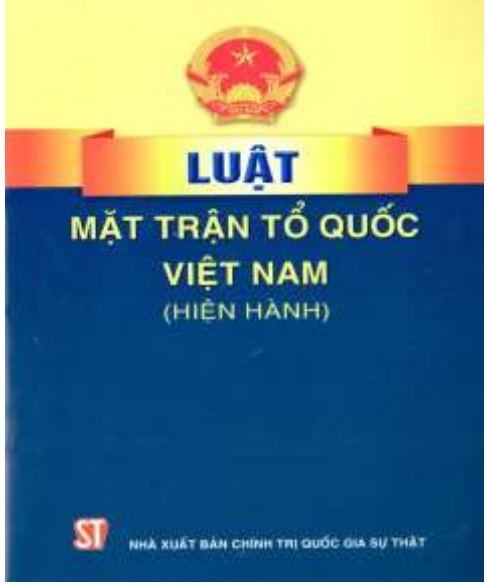

Cơ sở pháp lý để chống lại hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan NN, cán bộ công chức NN, người dân

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với đạo đức và tư tưởng

*** Đối với đạo đức:**

- Bổ sung nhau để điều chỉnh các quan hệ xã hội
- Bảo vệ các giá trị tích cực

*** Đối với tư tưởng:**

- Là phương tiện đăng tải thế giới quan khoa học, các giá trị, tư tưởng tiến bộ.
- Phủ nhận, cấm sự tồn tại hoặc hạn chế sự phát triển những luận điểm không phù hợp

truongchanhduc@gmail.com

Vai trò pháp luật XHCN Việt Nam đối với quan hệ quốc tế

Là phương tiện bảo vệ lợi ích chính đáng cho NN

Là phương tiện thực hiện chính sách đối ngoại của NN

truongchanhduc@gmail.com

2.3. Hình thức pháp luật XHCN Việt Nam

2.3.1. Khái niệm hình thức pháp luật

Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật.

truongchanhduc@gmail.com

2.3.2. Hình thức pháp luật XHCN Việt Nam

Dưới góc độ bên trong:

Hình thức pháp luật được xem như là một tổng thể những yếu tố cơ bản tạo nên cơ cấu bên trong của pháp luật gồm: các nguyên tắc chung, các quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật

truongchanhduc@gmail.com

2.3.2. Hình thức pháp luật XHCN Việt Nam

Dưới góc độ bên ngoài:

Hình thức pháp luật là những phương thức tồn tại và cách thức biểu hiện ra bên ngoài của pháp luật, chứa đựng các quy phạm pháp luật.

- Tập quán pháp
- Tiền lệ pháp
- Văn bản quy phạm pháp luật

truongchanhduc@gmail.com

2.3.2. Hình thức pháp luật XHCN Việt Nam

Tập quán pháp là hình thức của pháp luật tồn tại dưới dạng những phong tục, tập quán đã được lưu truyền trong đời sống xã hội, được NN thừa nhận thành những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc đối xã hội.

truongchanhduc@gmail.com

Khoản 1 Điều 5 BLDS 2015:

"Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự

Khoản 4 Điều 3 Luật thương mại 2005:

"*Tập quán thương mại là thói quen được thừa nhận rộng rãi trong hoạt động thương mại trên một vùng, miền hoặc một lĩnh vực thương mại, có nội dung rõ ràng được các bên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại"*

Điều 7 Luật HN&GĐ năm 2014: "*Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng*"

***Vụ việc thứ nhất*:** Đồng bào dân tộc H'Mông (Lai Châu) có phong tục mượn gia súc như trâu, bò để canh tác (cày ruộng). Mỗi khi mượn trâu bò, người mượn phải mang một chai rượu ngô hoặc rượu gạo và một chút thức ăn thường ngày đến để cùng uống rượu với chủ sở hữu gia súc với ý nghĩa là hàm ơn và là một nghi thức của tập quán.

Ông A nguyên là chủ sở hữu của một con trâu đực đã yêu cầu ông B đang chiếm hữu con trâu đó có nghĩa vụ giao trả ông A con trâu đã mượn. Ông B không đáp ứng yêu cầu của ông A với lý do là ông A đã bán con trâu đó cho ông 12 tháng rồi. Tuy nhiên, không có một bằng chứng nào về việc ông A và ông B đã giao kết hợp đồng mua bán trâu.

Theo tập quán:

1. Ông B không có nghĩa vụ phải trả lại trâu cho ông A,vì ông B không phải thực hiện nghi thức là mang rượu và thức ăn đến nhà ông A để cùng uống và mượn trâu, cho nên việc ông B mượn trâu của ông A là không có, mà sự thật là ông B đã mua trâu của ông A.
2. Đồng bào dân tộc H'Mông không có lệ mượn trâu trong thời hạn dài như vậy, mà nếu không thoả thuận về thời hạn mượn thì bên mượn trâu có nghĩa vụ trả lại trâu sau khi mục đích mượn đã đạt được - là cày ruộng xong.

<u>Áp dụng tập quán:</u> ông B không mượn trâu của ông A, vì cho thấy ông B đã mua con trâu của ông A, và ông B không có nghĩa vụ trả lại trâu cho ông A.

***Vụ việc thứ hai*:** Đồng bào dân tộc Mường ở Hoà Bình có truyền thống tổ chức lễ hội sau khi đã thu hoạch xong vụ mùa hàng năm. Trong lễ hội của người Mường, không thể thiếu tiếng cồng (chiêng). Vào ngày lễ hội, ông A cho ông B mượn chiêng để sử dụng. Sau lễ hội, ông B mang chiêng trả cho ông A. Ông A không ở nhà, ông B tự mang chiêng vào trong nhà ông A và treo lên chỗ để chiêng. Ba ngày sau, ông A yêu cầu ông B phải bồi thường thiệt hại do khi ông B sử dụng đã làm mặt chiêng bị nứt, vỡ, nhưng ông B không chấp nhận yêu cầu của ông A.

Theo tập quán:

Người Mường (Hoà Bình) thì khi mượn chiêng, cả bên cho mượn và bên mượn phải mang chiêng ra trước cửa hoặc sân của chủ cho mượn, chủ của chiêng gõ chiêng một hồi ba tiếng hoặc ba hồi chín tiếng và tiếng chiêng ngân lên ở tần số cao nhất. Nếu các bên hoặc một bên sau khi nghe xong hồi chiêng mà không cảm thấy chiêng bị rè do bị vỡ, bị nứt thì việc chuyển giao chiêng bình thường. Ngược lại, khi bên mượn chiêng trả lại chiêng thì cũng phải làm thủ tục tương tự như khi mượn, là gõ một hồi ba tiếng hoặc ba hồi chín tiếng để mọi người cùng nghe xem tiếng chiêng có bị rè hoặc khác biệt so với khi mượn không.

Căn cứ vào tập quán trên: ông B khi trả chiêng đã không thực hiện nghi thức theo tập quán, do vậy chiêng bị rè, nứt vỡ là do ông B trong khi sử dụng đã làm hư hỏng, theo đó ông B có trách nhiệm phải bồi thường cho ông A.

Khoản 2 Điều 26 BLDS 2015: *"Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha mẹ; nếu không có thỏa thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ."*

Khoản 1 Điều 28 BLDS 2015: *"Cá nhân khi sinh ra được xác định dân tộc theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ. Trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha đẻ, mẹ đẻ; trường hợp không có thỏa thuận thì dân tộc của con được xác định theo tập quán; trường hợp tập quán khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn".*

Khoản 4 Điều 603 BLDS 2015 quy định về bồi thường do súc vật gây ra có quy định: *"Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội".*

Tiền lệ pháp là hình thức pháp luật tồn tại dưới dạng các phán quyết của các chủ thể có thẩm quyền khi giải quyết các vụ việc cụ thể được NN thừa nhận làm khuôn mẫu cho việc giải quyết các vụ việc tương tự về sau.

truongchanhduc@gmail.com

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định.

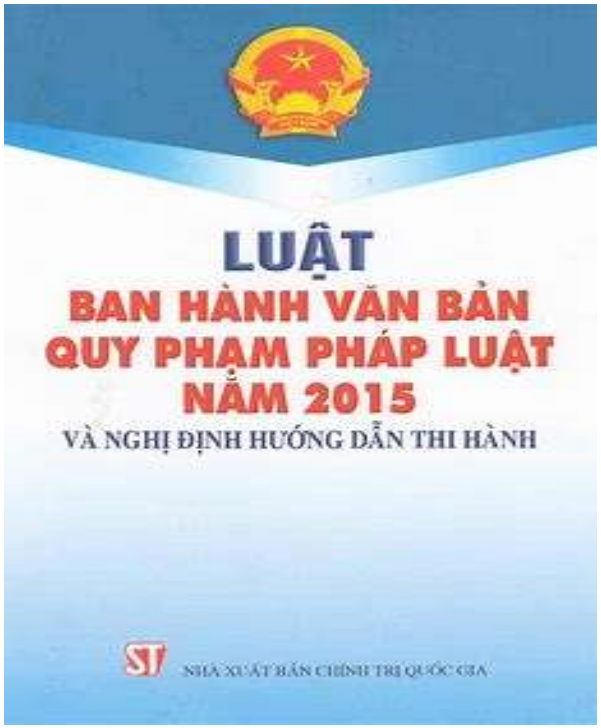

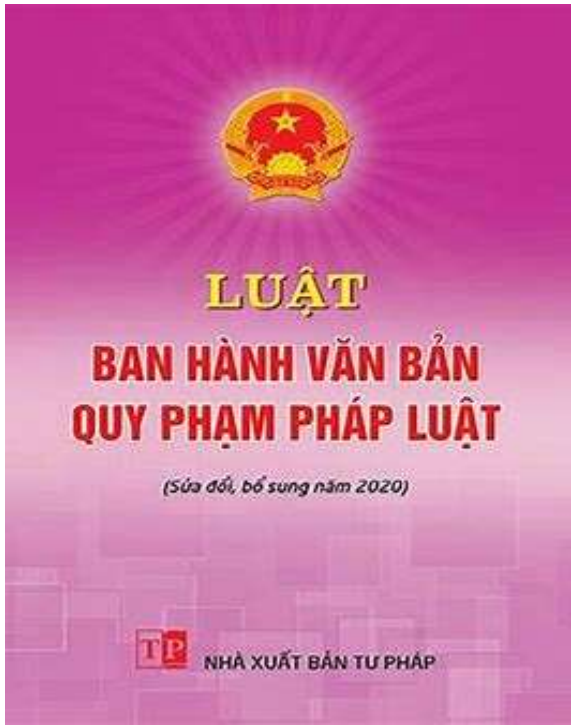

truongchanhduc@gmail.com

HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

(Căn cứ theo Điều 4 của Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật 2015)

HIẾN PHÁP của Quốc hội (1)

BỘ LUẬT của Quốc hội (2)	**LUẬT** của Quốc hội (3)	**NGHỊ QUYẾT** của Quốc hội (4)
PHÁP LỆNH của UBTV Quốc hội (5)	**NGHỊ QUYẾT** của UBTV Quốc hội (6)	**NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH** giữa UBTV Quốc hội với Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam (7)

LỆNH của Chủ tịch nước (8)	**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch nước (9)
NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ (10)	**NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH** giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam (11)

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ (12)

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (13)

THÔNG TƯ của Chánh án TANDTC (14)	**THÔNG TƯ** của Viện trưởng VKSNDTC (15)	**THÔNG TƯ** của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (16)	**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH** giữa Chánh án TANDTC với Viện trưởng VKSNDTC (17)	**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH** giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC (18)	**QUYẾT ĐỊNH** của Tổng Kiểm toán nhà nước (19)

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (20)

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (21)

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (22)

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng nhân dân cấp huyện (23)

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban nhân dân cấp huyện (24)

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng nhân dân cấp xã (25)

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban nhân dân cấp xã (26)

Chân thành cám ơn các đồng chí !